

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/LĐ-PT
Ngày: 24-12-2024
V/v: Tranh chấp HĐ lao động.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thanh Hòa

Các Thẩm phán: Ông Lê Thị Thanh Thái

Ông Lương Thanh Chín

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 01/2024/TLPT- LĐ ngày 24 tháng 10 năm 2024 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng lao động*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/LĐ-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 01/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn: Ban quản lý công trình công cộng H;

Địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Ngọc B – Trưởng ban.

Người kháng cáo: Ông Phạm Văn T - Nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Phạm Văn T trình bày: Đầu năm 2023, ông T có ký hợp đồng lao động với Ban quản lý công trình công cộng H vào ngày 01/02/2023. Trước khi ký kết

hợp đồng lao động thì ông T có nghe những người đã từng làm trước đó nói rằng thời gian làm việc từ thứ hai đến thứ sáu, nếu làm ngày thứ bảy thì được trả thêm là 500.000đồng/ngày, các ngày lễ tết thì có hỗ trợ thêm. Tổng tiền lương được trả là khoảng 6.000.000đ/tháng nên khi ký vào hợp đồng lao động thì ông T không đọc lại bản hợp đồng vì tin tưởng Ban quản lý công trình công cộng H là cơ quan Nhà nước.

Đến giữa tháng 02/2023, ông T nhận tháng lương đầu tiên bằng tiền mặt với số tiền 2.636.000đ/tháng; đến ngày 08/3/2023 thì ông T nhận tháng lương thứ hai, cũng với số tiền 2.636.000đ/tháng. Đến ngày 06/4/2023, ông T nhận tháng lương thứ ba qua tài khoản với số tiền 2.636.000đ/tháng.

Như vậy, cả 03 tháng lương này đều không có tiền chi thêm khi làm ngày thứ bảy nên ông T đã phản ánh vấn đề này trong cuộc họp cơ quan thì ông Đỗ Ngọc B trả lời là Ban lãnh đạo đã có đề nghị chi trả tiền lương theo phương án vị trí việc làm là 6.000.000đ/tháng nhưng đợi Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt mới thực hiện. Đồng thời, ông B động viên ông T tiếp tục làm việc trong thời gian chờ UBND tỉnh Bình Thuận phê duyệt.

Đến ngày 12/5/2023, ông T nhận tháng lương thứ tư với số tiền 2.636.000đ/tháng mà không có tiền làm thêm thứ 7 nên ông T đã khiếu nại thì Ban Quản lý công trình công cộng H tiếp tục tổ chức cuộc họp và tại cuộc họp cơ quan, ông B vẫn trả lời là chờ Quyết định của UBND tỉnh Bình Thuận chi trả một lần.

Đến ngày 20/5/2023, ông T làm đơn nghỉ việc và sau khi ông T không đi làm nữa thì ông B có đến nhà ông T để đưa tiền bồi dưỡng là 2.000.000đồng. Đến khoảng tháng 9/2023 thì ông T nghe Ban Quản lý công trình công cộng H đã trả lương 6.000.000đồng/tháng. Đến ngày 15/11/2023, ông T có đến gặp ông B để đòi tiền lương chênh lệch nhưng ông B không tiếp nên ông T làm đơn khiếu nại và Phòng Lao động - Thương binh - Xã hội huyện Hàm Tân đã tiến hành phiên hòa giải tranh chấp lao động vào ngày 24/5/2024 nhưng kết quả không thành.

Tại đơn khởi kiện, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết, buộc Ban Quản lý công trình công cộng H phải trả cho ông T số tiền lương còn thiếu là 13.455.000đồng. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, ông T thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, buộc Ban Quản lý công trình công cộng H phải trả cho ông T số tiền lương còn thiếu là 11.456.000đồng (trừ 2.000.000đồng mà ông B đã đưa cho ông T sau khi nghỉ việc).

- Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông Đỗ Ngọc B trình bày: Đầu năm 2023, Ban quản lý công trình công cộng H có ký hợp đồng lao động số 02/HĐLD-CTCC với ông Phạm Văn T vào ngày 01/02/2023, để làm công việc

là thu gom rác thải sinh hoạt. Theo hợp đồng lao động số 02/HĐLĐ-CTCC ngày 01/02/2023 thì thời gian làm việc là 48 giờ/tuần, với mức tiền lương 2.636.000đồng/tháng (sau khi đã trừ các khoản tiền bảo hiểm theo quy định pháp luật). Do đó, Ban quản lý đã chi trả đúng tiền lương theo hợp đồng và chi đầy đủ chế độ bồi dưỡng đặc thù cho ông Phạm Văn T từ tháng 02/2023 đến tháng 05/2023 nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

Về tiền lương được trả là phù hợp với quy định của luật lao động đặc thù. Trong tiền lương hàng tháng có trừ khoản đóng Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm thất nghiệp nên khấu trừ lại các khoản nêu trên, còn bao nhiêu thì ông T đã nhận lương đầy đủ.

Về công việc thu gom rác mang tính đặc thù nên thời gian làm việc là 48 giờ/tuần. Ban Quản lý công trình công cộng huyện Hàm Tân đảm bảo mỗi ngày làm việc không quá 08 giờ/ngày. Do đó, phải làm cả ngày thứ 7 mới đảm bảo công việc. Trong thực tế thì thời gian đi gom rác từ 05 giờ sáng đến trước 12 giờ trưa. Nếu rác ít hoặc thu gom nhanh thì có thể kết thúc sớm hơn và nếu trễ thì không quá 13 giờ cùng ngày nên vẫn đảm bảo không vượt quá 48 giờ làm việc/tuần. Ngoài ra, ông T đã tự ý bỏ việc trước khoảng 10 ngày (ông T tự ý nghỉ việc vào ngày 20/5/2023) rồi mới làm đơn xin nghỉ việc nhưng Ban Quản lý công trình công cộng huyện Hàm Tân vẫn chi trả tiền lương và bồi dưỡng đường, sữa cho ông T đến hết tháng 5/2023.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/LD-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã quyết định:

Căn cứ:

- Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 16, Điều 19, Điều 20, Điều 384, Điều 401 của Bộ luật dân sự.

- Điều 5, Điều 6, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 21, Điều 23, Điều 35, Điều 95 và Điều 105 của Bộ luật lao động.

- Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn T.

2/ Về án phí: Ông Phạm Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Phạm Văn T số tiền 336.375đồng theo biên lai số 0010819 ngày 24 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hàm Tân.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024, nguyên đơn ông Phạm Văn T kháng cáo yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm số 01/2024/LD-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án

nhân dân huyện Hàm Tân vì trong quá trình giải quyết TAND huyện Hàm Tân chưa giám định chữ ký trên hợp đồng dẫn đến việc giải quyết không đảm bảo công bằng cho ông và yêu cầu chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Bị đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- *Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:*

+ Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm các bên thỏa thuận được với nhau về T bộ nội dung vụ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Phạm Văn T làm trong thời hạn luật định, do ông T khởi kiện đòi tiền lương nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo quy định. Nội dung kháng cáo nằm trong phạm vi bản án sơ thẩm nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Về quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền lương còn thiếu là 13.455.000 đồng (số tiền lương còn thiếu trong thời gian nguyên đơn thực hiện hợp đồng lao động với bị đơn); đây là quan hệ “*tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động và người sử dụng lao động*” theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

+ Về người tham gia tố tụng: Bản án lao động sơ thẩm số 01/2024/LDST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân đã xác định đúng quan hệ pháp luật, đưa đầy đủ những người tham gia tố tụng. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về trình tự, thủ tục và thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp lao động: nguyên đơn cho rằng bị đơn còn nợ tiền lương của nguyên đơn nên đã xảy ra tranh chấp và được Phòng Lao động Thương binh và Xã hội huyện Hàm Tân hòa giải vào ngày 24/5/2024 nhưng không thành. Ngày 05/6/2024, nguyên đơn

đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết. Xét thấy, việc khởi kiện của nguyên đơn là đúng trình tự, thủ tục và còn trong thời hiệu theo quy định tại Điều 190 Bộ luật Lao động và khoản 1 Điều 32 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tự nguyện thống nhất trả cho nguyên đơn số tiền lương còn thiếu là 11.456.000 đồng.

Nguyên đơn đồng ý nhận số tiền do bị đơn trả số tiền lương còn thiếu là 11.456.000 đồng.

Xét các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Các thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định nên.

[4.2] Án phí lao động phúc thẩm: Kháng cáo của ông T được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

[6] Các quyết định khác của bản án lao động sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự; Sửa Bản án lao động sơ thẩm số: 01/2024/LD-ST ngày 06/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Hàm Tân, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

2. Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 266, 267, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 15, 16, 94, 104, 111, 114, 115 và khoản 4 Điều 201 của Bộ luật lao động năm 2012;

- Điểm a khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Điều 26 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

3. Tuyên xử: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Phạm Văn T và Ban quản lý công trình công cộng H.

Ban quản lý công trình công cộng H phải trả cho ông Phạm Văn T số tiền công lao động còn thiếu là 11.456.000 (*mười một triệu bốn trăm năm mươi sáu ngàn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí:

4.1 Án phí lao động sơ thẩm.

Ban quản lý công trình công cộng H phải chịu 573.000 đồng án phí lao động sơ thẩm.

4.2 Án phí lao động phúc thẩm. Ông Phạm Văn T không phải chịu án phí lao động phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (24/12/2024)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND huyện Hàm Tân;
- VKSND huyện Hàm Tân
- Chi cục THADS huyện Hàm Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, TDS;

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Thị Thanh Hòa